

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2018/HS-ST

Ngày 23/4/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phán

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Viết Trung, ông Lê Trọng Tính

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hòa – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Giáp - Kiểm sát viên.

Ngày 17 và 23 tháng 4 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ số: 38/TLST-HS ngày 09 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 4 năm 2018 đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: Nguyễn Văn N; sinh năm 1986, tại Bình Phước. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn 1, xã S, huyện P, tỉnh Bình Phước; Trình độ học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Họ và tên cha: Nguyễn Văn C (đã chết); Họ và tên mẹ: Đinh Thị K, sinh năm 1954; Họ và tên vợ: Lê Thị Vân, sinh năm 1988. Bị can có 01 người con sinh năm 2011.

Ngày 03/5/2006 phạm Tội cố ý gây th tích, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xử phạt 30 tháng tù theo bản án số 103/HSPT ngày 07/11/2007. Đến ngày 17/01/2009 bị cáo chấp hành xong hình phạt, đã được xóa án tích.

Ngày 16/12/2017, phạm Tội trộm cắp tài sản, bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Phú Riềng bắt khẩn cấp, bị khởi tố bị can và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/12/2017 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

Tiền án, tiền sự: Không.

2/ Họ và tên: Trương Thị H (tên gọi khác: T), sinh năm 1997, tại Đồng Nai. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn 16, xã Đ, huyện R, tỉnh Đắk Nông; Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Họ và tên cha: Trương Gia B, sinh năm 1967; Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị G, sinh năm 1968; Bị

cáo chung sống như vợ chồng với: Lương Thành P (đã chết). Bị cáo có 01 người con sinh ngày 18/01/2014.

Ngày 16/12/2017 phạm Tội trộm cắp tài sản, bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Phú Riềng bắt khẩn cấp, bị khởi tố bị can và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/12/2017 đến ngày 09/02/2018 được Viện KSND huyện Phú Riềng thay đổi biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh.

Tiền án, tiền sự: Không.

***Người bị hại:** Anh Trần Văn C, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 1, xã S, huyện P, Bình Phước

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Bà Nguyễn Thị G, sinh năm: 1968 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 16, xã Đ, huyện R, tỉnh Đắk Nông;

Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 1, xã S, huyện P, Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Văn N và bị cáo Trương Thị H (sau đây gọi là N và H) do quen nhau qua mạng xã hội Facebook và yêu nhau, nên ngày 14/12/2017 cả hai hẹn nhau đến xã Phước Tín, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước chơi rồi thuê nhà nghỉ để ngủ qua đêm. Đến ngày 15/12/2017, do không còn tiền để ăn chơi, nên H nói về nhà ở Thôn 16, xã Đ, huyện R., tỉnh Đắk Nông thì N rủ H đi tìm kiếm xe mô tô của người dân lấy trộm để bán lấy tiền đi về nhà của H thì H đồng ý. Đến sáng ngày 16/12/2017, N và H đi đến khu vực Thôn 1, xã S, huyện P, tỉnh Bình Phước thì N phát hiện nhà của anh Trần Văn C, sinh năm 1985, trú tại thôn Bàu Đĩa không có người trông coi. N nói H ngồi ở ngoài đường đợi, còn N đi đến vị trí dựng xe lấy 01 xe mô tô hiệu DH, BKS: 61-585E0 và 01 chiếc máy cưa hiệu STIHL MS 180 bỏ lên gác ba ga xe rồi đạp cho xe nổ máy. N điều khiển xe mô tô chở H đi đến khu vực xã Nghĩa Trung, huyện Bù Đăng thì N sợ bị phát hiện, nên N và H đi vào lô cao su để trốn tránh. Tại đây, H hỏi N “giờ đem máy cưa đi đâu”, N nói “đi dọc đường lên Đắk Nông rồi bán”. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, N tiếp tục điều khiển xe mô tô chở H và máy cưa đến khu vực cầu 25, thuộc xã Nghĩa Trung thì xe hết xăng, nên N dừng xe lại rồi đưa máy cưa cho H giữ, còn N đi tìm nơi đổ xăng thì bị anh Trần Văn C phát hiện truy hô cùng với quần chúng nhân dân bắt giữ N cùng xe mô tô và N khai chỗ H đang ngồi giữ máy cưa nên Cơ quan Công an tiến hành bắt giữ H và thu giữ máy cưa để điều tra (Bút lục 98-107; 114, 115).

Theo bản kết luận định giá tài sản số 128 ngày 20/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Phú Riềng kết luận: Tại thời điểm ngày 16/12/2017 giá trị sử dụng còn lại của 01 máy cưa hiệu STIHL MS 180 là 3.937.500đ; giá trị của xe mô tô hiệu DH, BKS: 61-585E0 là 500.000đ (Bút lục 40).

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Văn N và Trương Thị H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trên.

Về xử lý vật chứng:

Đối với máy cưa hiệu STIHL MS 180 là tài sản hợp pháp của anh Trần Văn C, nên ngày 20/01/2018 Cơ quan CSĐT Công an huyện Phú Riềng ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh C, nên Viện kiểm sát không đề cập đến.

Đối với xe mô tô hiệu DH, BKS: 61-585E0 là tài sản của anh Trần Văn C, quá trình điều tra, anh C khai nhận chiếc xe trên anh C của 01 người không rõ nhân thân, lai lịch. Khi mua xe thì 02 bên không làm giấy tờ mua bán, đồng thời xe không có giấy chứng nhận đăng ký. Mặt khác, Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định số khung, số máy của xe mô tô nhưng không có thông tin trong dữ liệu lưu trữ của lực lượng Cảnh sát Giao thông Công an tỉnh Bình Phước. Do đó, Cơ quan CSĐT Công an huyện Phú Riềng đã tách ra để tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau, nên Viện kiểm sát không đề cập đến.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Trần Văn C yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 2.000.000đ. Hiện nay, bà Nguyễn Thị G (mẹ của H) và anh Nguyễn Văn T (anh của N) đã tự nguyện bồi thường cho anh C số tiền 2.000.000đ, anh C không yêu cầu gì thêm, đồng thời bà G, anh T không yêu cầu các bị cáo phải hoàn trả lại số tiền này, nên Viện kiểm sát không đề cập đến.

Tại bản Cáo trạng số:17/CTr-VKSPR ngày 08/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước truy tố các bị cáo Nguyễn Văn N, Trương Thị H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ G quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo Nguyễn Văn N mức án tù 15 đến 18 tháng tù; bị cáo Trương Thị H mức án tù 06 đến 12 tháng tù.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra

và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Văn N, Trương Thị H đã khai nhận hành vi phạm tội như bản Cáo trạng truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu, chứng cứ như: Biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng của vụ án thu được, kết luận định giá tài sản có trong hồ sơ vụ án được xét hỏi công khai tại phiên tòa. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do muốn có tiền chi dùng cho nhu cầu ăn chơi của mình, nên vào ngày 16/12/2017 Nguyễn Văn N và Trương Thị H đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 máy cưa hiệu STIHL MS 180 và 01 xe mô tô hiệu DH, BKS: 61-585E0 của anh Trần Văn C có tổng trị giá là 4.437.500 đồng.

Hành vi trên của các bị cáo Nguyễn Văn N, Trương Thị H thực hiện có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

[3]. Xét về Tách vụ án: Hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn N, Trương Thị H là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức đầy đủ và làm chủ được hành vi của mình. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp với thủ đoạn chung là lợi dụng sơ hở của người bị hại, có chung mục đích lén lút chiếm đoạt tài sản.

Trong vụ án này, bị cáo Nguyễn Văn N là người trực tiếp thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người bị hại. Bị cáo Trương Thị H mặc dù không trực tiếp thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người bị hại, nhưng khi được bị cáo N bàn bạc trước khi N thực hiện hành vi phạm tội thì H không ngăn cản N mà để mặc N thực hiện hành vi phạm tội và cũng mong muốn hậu quả xảy ra. Tại phiên tòa bị cáo H thừa nhận bị cáo đồng ý cùng bị cáo N chiếm đoạt tài sản của người bị hại nên đã cùng bị cáo N đi tìm tài sản sơ hở để trộm cắp. Vì vậy, bị cáo H phải chịu chung trách nhiệm hình sự đối với hành vi và hậu quả do bị cáo N gây ra.

Xét hành vi phạm tội của các bị cáo có Tnguy hiểm cao, thể hiện sự liều lĩnh, táo bạo. Vì vậy, cần phải xử phạt các bị cáo một mức hình phạt nghiêm để cải tạo các bị cáo, đồng thời để răn đe giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4]. Về nhân thân: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Khi quyết định hình phạt cho các bị cáo cần xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo, cụ thể: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình các bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục một phần hậu quả cho người bị hại và bị hại đã viết đơn bãi nại cho các bị cáo, nên cần cho các bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999; Ngoài ra bị cáo Trương Thị H còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ là người phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh và phần hình phạt là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên, Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là chưa phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, đồng thời Viện kiểm sát không cho các bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự về “tự nguyện bồi thường thiệt hại” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999 là chưa Cnh xác. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần xem xét áp dụng cho phù hợp với quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị G và anh Nguyễn Văn T đã tự nguyện bồi thường cho anh C số tiền 2.000.000đ, anh C không yêu cầu gì thêm, đồng thời bà G, anh T không yêu cầu các bị cáo phải hoàn trả lại số tiền này.

Tại phiên tòa anh Trần Văn C; bà Nguyễn Thị G và anh Nguyễn Văn T vắng mặt, nên cần tách quyền yêu cầu bồi thường dân sự giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự nếu anh C, bà G và anh T có yêu cầu.

Về xử lý vật chứng:

Đối với máy cưa hiệu STIHL MS 180 là tài sản hợp pháp của anh Trần Văn C, ngày 20/01/2018 Cơ quan CSĐT Công an huyện Phú Riềng ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh C, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với xe mô tô hiệu DH, BKS: 61-585E0 Cơ quan CSĐT Công an huyện Phú Riềng đã tách ra để tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí hình sự sơ thẩm các bị cáo phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn N, Trương Thị H (Tên gọi khác: T) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 138; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 45 và Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 18 (Mười tám) tháng tù. Hạn tù Từ ngày 16/12/2017.

- Căn cứ khoản 1 Điều 138; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 45 và Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999

Xử phạt bị cáo Trương Thị H (Tên gọi khác: T) 06(Sáu) tháng tù. Hạn tù Từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/12/2017 đến ngày 09/02/2018.

Về trách nhiệm dân sự và vật chứng: Không.

2. Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 20/12/2016 về án phí, lệ phí các bị cáo Nguyễn Văn N, Trương Thị H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn đồng).

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Phú Riềng;
- CA huyện Phú Riềng;
- Nhà tạm giữ CA huyện Phú Riềng
- Bị cáo; người tham gia tố tụng
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

NGUYỄN VĂN PHÁN